

Số: 131 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 25 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch Nghĩa trang vùng tỉnh Đắk Nông đến năm
2035, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng, ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP, ngày 06/5/2015 của Chính phủ, quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định 23/2016/NĐ-CP, ngày 05/4/2016 của Chính phủ, về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD, ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng, quy định về hồ sơ của nhiệm vụ đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 2282/2013/QĐ-TTg, ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt đề án khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng;

Căn cứ Quyết định số 1942/QĐ-TTg, ngày 22/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD, ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng, về việc hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD, ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng, về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán quy hoạch Nghĩa trang vùng tỉnh Đắk Nông đến năm 2035 tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Thông báo số 1301-TB/TU, ngày 01/01/2018 của Tỉnh ủy Đắk Nông, ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về thực hiện quy hoạch Nghĩa trang vùng tỉnh Đắk Nông đến năm 2035 tầm nhìn đến 2050;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 108/TTr-SXD ngày 18/01/2018, về việc phê duyệt Quy hoạch Nghĩa trang vùng tỉnh Đắk Nông đến



10 ✓

năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; Kết quả thẩm định số 01/KQTĐ-SXD, ngày 15/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch Nghĩa trang vùng tỉnh Đắk Nông đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, với nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch Nghĩa trang vùng tỉnh Đắk Nông đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Phạm vi, đối tượng:

- Phạm vi quy hoạch: Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (bao gồm 7 huyện, thị xã).
- Đối tượng nghiên cứu: Các nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sỹ) và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.
- Đối tượng lập quy hoạch: Giới hạn phạm vi lập quy hoạch của đồ án là các nghĩa trang vùng tỉnh và nghĩa trang đô thị.

3. Quy mô:

- Quy mô diện tích quy hoạch: 6.515 km² (toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Đắk Nông).

- Tỷ lệ bản đồ lập quy hoạch: 1/100.000.

4. Về mục tiêu của đồ án quy hoạch:

- Nhằm quy hoạch hệ thống nghĩa trang cho phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn, khả năng khai thác quỹ đất, nâng cao hiệu quả quản lý các nghĩa trang nhằm cải thiện môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng.

- Tuyên truyền khuyến khích các hình thức táng văn minh hiện đại, đảm bảo vệ sinh môi trường, nâng cao nếp sống văn minh, giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc, tập quán tín ngưỡng thờ cúng, nhớ ơn ông bà tổ tiên...

- Làm cơ sở cho việc cải tạo, đóng cửa, di dời các nghĩa trang chưa phù hợp, tuyên truyền vận động nhân dân bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan, các hình thức táng không đảm bảo vệ sinh môi trường,...

- Đẩy mạnh việc xã hội hóa các dịch vụ mai táng, tang lễ, kêu gọi các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư hạ tầng, quản lý và cung cấp các dịch vụ nghĩa trang theo quy hoạch được duyệt.

5. Về yêu cầu quy hoạch xây dựng nghĩa trang, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- Việc lựa chọn Quy hoạch xây dựng nghĩa trang mới phải đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường tối thiểu tới khu dân cư và các công trình công cộng theo quy định, khu vực yên tĩnh, cao ráo, không sạt lở.



- Mỗi xã hoặc cụm xã được quy hoạch đất làm các nghĩa trang lâu dài phù hợp với tập quán của địa phương. Số lượng, vị trí các nghĩa trang phụ thuộc vào mật độ tập trung dân cư, khoảng cách đến các nghĩa trang.

- Quy hoạch xây dựng nghĩa trang mới phải đảm bảo tỉ lệ thích hợp cho các khu vực, đảm bảo mật độ cây xanh, giao thông đi lại, diện tích các ngôi mộ táng theo quy định... Các khu vực nghĩa trang tôn giáo hay nghĩa trang chôn cất theo phong tục tập quán của từng dân tộc trên địa bàn được phân khu cụ thể trong các đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết nghĩa trang.

- Diện tích đất sử dụng cho mộ phần, cụ thể như sau:

Loại mộ phần	Đơn vị tính	Người lớn	Trẻ em
Mộ phần hung táng	m ² /mộ phần	5-:-8	5
Mộ phần chôn 1 lần	m ² /mộ phần	5-:-8	5
Mộ phần cát táng hoặc chôn cất lọ tro sau hỏa táng	m ² /mộ phần	5-:-8	4
Ngăn lưu tro hỏa táng	Dài, rộng, cao (m)	0,5x0,5x0,5	0,5x0,5x0,5

- Bố trí giao thông trong nghĩa trang:

+ Đường chính trong nghĩa trang đảm bảo được 2 làn xe chạy ≤ 7m.

+ Đường chánh (đường phân lô) là 3,5 m.

+ Lối đi bên trong các lô mộ (đường phân nhóm) là 1,2 m.

+ Khoảng cách lối đi giữa hai hàng mộ liên tiếp là 0,8 m.

+ Khoảng cách giữa 2 mộ liên tiếp cùng hàng là 0,6 m.

- Khu vực công trình phục vụ - kỹ thuật: Nhà 3 gian chiều dài 9-12 m, rộng 4m, hiên rộng 1,3m, có sân rộng 80÷100 m², có ghế ngồi, cây xanh bóng mát cho các gia đình làm lễ táng, thăm, chăm sóc mộ.

- Tỷ lệ diện tích đất nghĩa trang được xác định:

Loại hình- hạng mục chỉ tiêu	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV
Các chỉ tiêu dùng cho toàn nghĩa trang (bao gồm 2 nghĩa trang thành phần trở lên)	100 %	100%	100%	100%
Tỉ lệ đất cho các phần mộ so với tổng diện tích nghĩa trang.	50	55	60	65
Tỉ lệ đất giao thông các loại so với tổng diện tích nghĩa trang.	9	10	11	12
Tỉ lệ đất cây xanh mặt nước so với tổng diện tích nghĩa trang.	39	32	25	18
Tỉ lệ công trình phục vụ - kỹ thuật so với tổng diện tích nghĩa trang.	2	3	4	5



6. Về định hướng quy hoạch nghĩa trang:

- Số liệu về dân số, phân kỳ giai đoạn Quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh phù hợp và thống nhất với Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đắk Nông đang triển khai thực hiện. Số liệu về tỉ lệ sinh, tỉ lệ chết theo Niên giám thống kê 2016.

Bảng dự báo dân số và nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang.

Đơn vị hành chính	Dân số năm 2016 (người)	Dự báo dân số đến năm 2025 (người)	Dự báo dân số đến năm 2035 (người)	Tỷ lệ hình thức hỏa táng (2035)	Dự báo số người chết (tính từ năm gốc 2016)		Diện tích nghĩa trang bổ sung đến năm 2025 (ha)	Diện tích nghĩa trang bổ sung đến năm 2035 (ha)
					Trong 08 năm (từ 2017-2025)	Trong 10 năm (từ 2025-2035)		
Huyện Cư Jút	99.983	127.440	144.752	5%	4.519	5.649	4,77	5,67
Huyện Krông Nô	74.812	95.357	108.310	5%	3.382	4.227	3,57	4,24
Thị xã Gia Nghĩa	58.644	74.749	75.966	15%	2.651	3.313	2,80	3,32
Huyện Đắk R'lấp	86.385	110.108	125.065	5%	3.905	4.881	4,12	4,90
Huyện Đắk Glong	58.701	74.821	84.985	5%	2.653	3.317	2,80	3,33
Huyện Tuy Đức	50.281	64.089	72.795	5%	2.273	2.841	2,40	2,85
Huyện Đắk Mil	104.308	132.953	135.117	15%	4.715	5.893	4,98	5,91
Huyện Đắk Song	76.481	97.484	110.726	5%	3.457	4.321	3,65	4,34
Tổng cộng	609.595	777.000	857.717		27.554	34.442	29,09	34,56

- Xác định các hình thức táng

+ Giai đoạn đầu (từ năm 2018 đến năm 2025): Hình thức mai táng theo phong tục truyền thống, trong đó chủ yếu gồm có các hình thức hung táng (chôn cất 1 lần) và hình thức cát táng (sau một thời gian thì cải mộ); khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng.

+ Giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050:

Đối với thị xã Gia Nghĩa, thị trấn Đắk Mil: Ngoài hình thức mai táng theo phong tục truyền thống, tuyên truyền vận động sử dụng hình thức hỏa táng trung bình đạt trên 15%.

Đối với các đô thị khác và khu vực nông thôn: Ngoài hình thức mai táng theo phong tục truyền thống, tuyên truyền vận động sử dụng hình thức hỏa táng trung bình đạt trên 5%.

Sau năm 2025 trên địa bàn tỉnh có quy hoạch 02 nhà hỏa táng: Tại nghĩa trang Đắk Nĩa, thị xã Gia Nghĩa và tại nghĩa trang thị trấn Đắk Mil.

Bảng diện tích giữa các nghĩa trang hiện trạng và định hướng quy hoạch

Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích (ha) đến năm 2025	Diện tích (ha) đến năm 2035
Thị xã Gia Nghĩa	32,47	35,27	109,97
Huyện Đắk R'lấp	91,61	95,73	100,63
Huyện Đắk Song	48,82	52,47	56,81
Huyện Đắk Mil	85,01	89,99	95,90
Huyện Đắk Glong	71,07	73,87	77,20
Huyện Tuy Đức	74,46	76,86	79,71
Huyện Krông Nô	96,30	99,87	104,11
Huyện Cư Jút	132,88	137,65	143,32
Tổng cộng	631,22	660,32	766,25

7. Về nguồn vốn thực hiện và cơ chế chính sách xã hội hóa các định vụ nghĩa trang:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ giai đoạn 2018 đến 2025 khoảng 1,64 tỷ đồng. Vốn xã hội hóa: Khoảng 75,60 tỷ đồng.

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ giai đoạn 2025 đến 2035 khoảng 2,0 tỷ đồng. Vốn xã hội hóa: Khoảng 71,50 tỷ đồng.

Ngân sách nhà nước hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết các nghĩa trang,...

Điều 2.

1. Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao, các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã Gia Nghĩa; UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch và công tác quản lý sử dụng nghĩa trang theo đúng quy định pháp luật.

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm công bố công khai quy hoạch theo quy định; chịu trách nhiệm về Kết quả thẩm định số 01/SXD-KQTĐ, ngày 15/01/2018.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Xuân Hải

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh (p/h giám sát);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Công TTĐT, CNXD.